

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN DŨNG      CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TỈNH BẮC GIANG      Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**Bản án số: 17/2022/HNGĐ-ST**

Ngày 31 tháng 03 năm 2022

V/v: “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN DŨNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Bà Ngô Thị Thanh Hảo

**Các Hội thẩm nhân dân:** 1. Bà Nguyễn Thị Tin

## 2. Ông Đào Xuân Thịnh

**Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:** Bà Phạm Thị Thủy

**Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng:** Ông Lương Văn Tuấn - Kiểm sát viên

Trong ngày 31 tháng 03 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình đã thụ lý số 09/2022/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 01 năm 2022 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2022/QĐXX-ST ngày 02 tháng 03 năm 2022 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Anh Thân Văn H, sinh năm 1989; địa chỉ: Thôn A, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. (Có mặt)

**Bị đơn:** Chị Phạm Thị Đ, sinh năm 1993; nơi ĐKKHKT: Thôn A, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. **Chỗ ở:** Bản 3, Nh, xã K, huyện B, tỉnh Lào Cai. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

## NỘI DUNG VỤ ÁN

**\* Theo đơn khởi kiện đề ngày 07/01/2022, tại biên bản lấy lời khai và quá trình tố tụng tại Tòa án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn anh Thân Văn Hùng trình bày:** Anh và chị Phạm Thị Đ lấy nhau trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức cưới xin theo phong tục tập quán, trước khi cưới hai vợ chồng được tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn, đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Yên Dũng ngày 24/3/2016. Kết hôn xong vợ chồng về sống chung cùng bố mẹ anh ở thôn A, xã T, huyện Yên Dũng cho đến nay. Vợ chồng chung sống hòa thuận từ

khi kết hôn được khoảng 1 năm, đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng là bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không thể hòa hợp, cứ nói chuyện là cãi nhau, ngoài ra còn do kinh tế khó khăn, khi lấy về chị Đ không có công việc ổn định, anh có khuyên bảo chị Đ đi tìm việc làm thì chị Đ không nghe, anh nóng tính có tát chị Đ. Đến cuối năm 2017, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, chị Đ tự ý bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở xã K, huyện B, tỉnh Lào Cai sống cho đến nay, nhiều lần gia đình và anh gọi điện động viên chị Đ về đoàn tụ nhưng chị Đ không về. Vợ chồng sống ly thân từ cuối năm 2017 đến nay, mọi quan hệ tình cảm, kinh tế chấm dứt, đến nay anh và chị Đ không còn liên lạc, quan tâm gì đến nhau nữa. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được, anh đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn cho anh và chị Đ nhanh chóng để anh ổn định cuộc sống.

+ Về con chung: Anh và chị Đ không có con chung, khi ly hôn không đề nghị Tòa án giải quyết.

+ Về tài sản chung: Anh xác định vợ chồng không có tài sản chung gì, thời gian sống chung cùng bố mẹ đẻ anh, vợ chồng không đóng góp gì trong khối tài sản chung của gia đình, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về nghĩa vụ chung về tài sản: Vợ chồng không có gì, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa anh H trình bày: Anh giữ nguyên yêu cầu đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Đ; về con chung, tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**\* Tại biên bản lấy lời khai bị đơn chị Phạm Thị Đ trình bày:** Chị và anh H kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Yên Dũng ngày 24/3/2016. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh H thường xuyên đi sớm về muộn, không quan tâm gì đến chị và có tin nhắn tình cảm với người phụ nữ khác. Chị có khuyên bảo nhưng anh H không nghe, sau đó đến năm 2017 chị về sống cùng mẹ đẻ ở bản 3 Nh, xã K, huyện B, tỉnh Lào Cai sống, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay, anh H cũng không lên thăm chị lần nào. Nay anh H xin ly hôn chị đồng ý vì chị xác định tình cảm với anh H cũng không còn.

+ Về con chung: Vợ chồng chị chưa có con chung, không đề nghị Tòa án giải quyết.

+ Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung, không đề nghị Tòa án giải quyết.

**\* Tài liệu, chứng cứ thu thập được:**

+ Tại bản xác minh với bà Lương Thị S là mẹ đẻ anh H cung cấp như sau: Năm 2016 gia đình bà tổ chức lễ cưới cho anh H và chị Đ, anh H và chị Đ có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T. Quá trình chung sống giữa anh H và chị Đ nhiều lần phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do chị Đ không có công việc ổn định, không chịu đi làm, anh H có khuyên bảo nhưng chị Đ không nghe và cãi lại nên anh Hùng có đánh chị Đ. Cuối năm 2017 mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, chị Đ xin phép về nhà bố mẹ đẻ ở xã K, huyện B, tỉnh Lào Cai chơi và ở luôn, không về chung sống cùng anh H. Gia đình đã động viên nhiều lần nhưng chị Đ không nghe. Nay anh H xin ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

+ Tại biên bản xác minh với ông Nguyễn Văn Kh, trưởng thôn An Thịnh cung cấp: Anh H, chị Đ có hộ khẩu tại địa phương ông quản lý. Anh H và chị Đ lấy nhau là tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T. Quá trình chung sống giữa anh H và chị Đ phát sinh mâu thuẫn gì thì ông không nắm được. Đến khoảng cuối năm 2017 chị Đ bỏ về quê sống, không thấy chị Đ sống ở địa phương nữa. Nay anh H xin ly hôn chị Đ, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

+ Tòa án đã có công văn gửi Cục xuất nhập cảnh - Bộ công an, kết quả xác định chị Đ không có thông tin xuất nhập cảnh; Tòa án đã có công văn ủy thác thu thập chứng cứ, Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai đã giao các văn bản tố tụng gồm thông báo về việc thụ lý vụ án và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho chị Đ; lấy lời khai của chị Đ, chị Đ đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Tòa án tiến hành mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng chị Đ vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được.

- Tại phiên tòa hôm nay, chị Đ vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị Đ.

+ Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng phát biểu ý kiến:

- Ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn chấp hành chưa đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Ý kiến về quan điểm giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Thân Văn Hg, đề nghị HĐXX xử: Cho anh Thân Văn H được ly hôn chị Phạm Thị Đ; về án phí: Anh Thân Văn H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

- Kiến nghị, khắc phục sửa chữa vi phạm: Không có

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn chị Phạm Thị Đ có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do vậy Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt chị Đào là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Thân Văn H và chị Phạm Thị Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn ngày 24/3/2016 tại UBND xã T, huyện Yên Dũng và được Ủy ban nhân dân xã T cấp giấy chứng nhận kết hôn. Hôn nhân giữa anh H và chị Đ là tự nguyện, không vi phạm các điều cấm kết hôn, phù hợp với quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình.

Quá trình chung sống của vợ chồng thì thấy: Anh H và chị Đ chung sống hòa thuận, hạnh phúc được khoảng hơn một năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân theo anh H khai là do khi lấy về chị Đ không có công việc ổn định, anh khuyên chị bảo đi tìm việc làm thì chị Đ không nghe, anh có đánh chị Đ. Còn theo chị Đ khai nguyên nhân do anh H thường xuyên đi sớm về muộn và có tin nhắn tình cảm với người phụ nữ khác, không quan tâm đến chị. Nay cả anh H và chị Đ đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh H xin ly hôn chị Đ đồng ý. Hội đồng xét xử xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa anh H và chị Đ đã trầm trọng, đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh H là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Không có, các bên không yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[3] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Anh H và chị Đ xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí: Anh Thân Văn H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là phù hợp với quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH**

1. Căn cứ các Điều 51, 53, 56 Luật hôn nhân và gia đình. Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 272 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

2. Xử:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Thân Văn H được ly hôn chị Phạm Thị Đ.

2.2. Về án phí: Anh Thân Văn H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0009380 ngày 14 tháng 01 năm 2022 của Chi cục Thi hành dân sự huyện Yên Dũng.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bắc Giang.
- VKSND huyện Yên Dũng.
- CCTHADS huyện Yên Dũng ;
- UBND xã T, huyện Yên Dũng;
- Các đương sự.
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Ngô Thị Thanh Hảo**